TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 16/HNGĐ – ST
Ngày: 25/4/2024
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Như Mai Trang – kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm: 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 8, khu phố NP, thị trấn LN, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trương Minh T2, sinh năm: 1989(xin vắng)
Địa chỉ: Tổ 8, khu phố NP, thị trấn LN, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T1 trình bày: Bà Phạm Thị Ngọc T1 và ông Trương Minh T2 tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LN. Sau đó ly hôn. Đến năm 2017, chung sống lại với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LN, huyện Lộc Ninh. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay bà Phạm Thị Ngọc T1 xin ly hôn với ông Trương Minh T2.

Về con chung: Có 01 con tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2013. Khi ly hôn bà Phạm Thị Ngọc T1 nuôi con, không yêu cầu ông Trương Minh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ, bị đơn ông Trương Minh T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà Phạm Thị Ngọc T1 trình bày. Nay ông T2 không đồng ý ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có 01 con tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T2 nuôi con, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Trương Minh T2 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T1.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Trương Minh T2.

Về con chung: Giao bà Phạm Thị Ngọc T1 nuôi con tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2013, bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Ngọc T1 có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Trương Minh T2 nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trương Minh T2 cư trú tại thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Trương Minh T2 vắng mặt, tuy nhiên có đơn xin vắng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Ngọc T1 và ông Trương Minh T2 tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LN. Sau đó ly hôn. Đến năm 2017, chung sống lại với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, vì vậy hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc T1 và ông Trương Minh T2 là hợp pháp. Theo bà T1, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bà T1 xác định không còn tình cảm với ông T2 nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy, quá trình chung sống bà T1 và ông T2 đã từng ly hôn sau đó sống chung lại nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Thời gian ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Phạm Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Trương Minh T2.

[2.2] Về con chung: Có 01 con tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2013. Khi ly hôn bà T1 và ông T2 đều có nguyện vọng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và Gia đình: *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.* Xét thấy, cháu Quỳnh A trên 7 tuổi, có nguyện vọng sống với mẹ nên cần giao cho bà T1 nuôi, bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Trương Minh T2.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T1 nuôi con tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2013, bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc T1 chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006048 ngày 29 tháng 01 năm 2024.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND thị trấn Lộc Ninh, Huyện Lộc Ninh*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*